

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀ VIỆT



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀ VIỆT

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	2
1. Thông tin khái quát.	2
2. Quá trình hình thành, phát triển của Công ty	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:	4
5. Định hướng phát triển:.....	4
6. Các rủi ro:.....	5
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019.	6
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
2. Tổ chức và nhân sự:	7
3. Tình hình đầu tư thực hiện dự án:.....	9
4. Tình hình tài chính:	9
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:.....	10
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	11
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BGD	14
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	14
2. Tình hình tài chính	14
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	15
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	15
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có).....	15
6. Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần:	15
7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	15
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	16
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	16
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.	17
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	17
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	22
1. Ý kiến kiểm toán.	22
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.	22

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2019

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀ VIỆT**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600262193 đăng ký thay đổi lần 8 vào ngày 26/05/2017.
- Vốn điều lệ: 128.530.520.000 đồng.
- Địa chỉ: P. Long Bình – TP. Biên Hoà – Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.398.1631 - Fax: 0251.398.1630
- Website: www.hoavietjsc.com
- Mã cổ phiếu: HJC

2. Quá trình hình thành, phát triển của Công ty

- Công ty cổ phần Hòa Việt là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nguyên liệu Thuốc lá Nam với vốn điều lệ tại thời điểm thành lập là 107.207.000.000 đồng. Công ty cổ phần Hòa Việt chính thức hoạt động từ ngày 01/04/2005. Qua thời gian hoạt động, Công ty đã được gọi với các tên giao dịch như sau:

+ **Năm 1989** - Quyết định số 104/LHTL ngày 31/7/1989 của Liên hiệp thuốc lá Việt Nam về việc đổi tên Xí nghiệp lên men thuốc lá thành Nhà máy chế biến nguyên liệu Thuốc lá.

+ **Năm 1992** - Quyết định số 1009/CNN-TLCDD ngày 31/10/1992 của Bộ Công nghiệp nhẹ: về việc chuyển đổi tổ chức của nhà máy chế biến nguyên liệu thành Công ty nguyên liệu Thuốc lá Nam trên cơ sở sáp nhập các xí nghiệp nguyên liệu thuốc lá từ Quảng Bình trở vào phía Nam (XNTL Miền Trung, XNTL Miền Đông và XNNL thuốc lá Miền Tây) vào Nhà máy chế biến nguyên liệu thuốc lá.

+ **Năm 1996** - Quyết định số 1986/QĐ-TCCB ngày 20/7/ 1996 của Bộ Công nghiệp nhẹ: V/v thành lập Công ty Nguyên liệu thuốc lá Nam – Doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam, chọn ngày 01/10/1989 là ngày thành lập Công ty Nguyên liệu Thuốc lá Nam.

+ **Năm 2004** - Quyết định số 123/2004/QĐ-BCN ngày 04/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp V/v Chuyển Công ty Nguyên liệu Thuốc lá Nam thành Công ty cổ phần Hòa Việt, và chính thức hoạt động theo mô hình doanh cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3600262193 (số cũ 4703000208) do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp lần thứ 7 ngày 18 tháng 4 năm 2013. Đăng ký lần đầu ngày 24/3/2005.

Sau khi thực hiện cổ phần hóa, từ một đơn vị sản xuất với quy mô nhỏ hoạt động thủ công là chủ yếu, Công ty đã mạnh dạn đầu tư công nghệ, cải tiến trang thiết

bị, phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường, sắp xếp lại tổ chức và đào tạo nguồn nhân lực để sản xuất ra những sản phẩm nguyên liệu thuốc lá có chất lượng ổn định, nâng cấp dịch vụ gia công sơ chế tách cọng nguyên liệu thuốc lá nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

Ngày 22/9/2015 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quyết định về việc chấp thuận cho Công ty cổ phần Hòa Việt được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Dịch vụ ăn uống;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng dầu, than đá (hoạt động ngoài tỉnh);
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, vật tư nông nghiệp;
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Tiêu thụ nguyên liệu thuốc lá và các sản phẩm nông nghiệp khác; Kinh doanh hạt giống thuốc lá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Kinh doanh kho bãi, dịch vụ kho vận và kho ngoại quan;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn nước tinh khiết, nước khoáng, nước giải khát, rượu, bia;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn vật liệu xây dựng (hoạt động ngoài tỉnh);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn vật liệu xây dựng (hoạt động ngoài tỉnh);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Môi giới thương mại. Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Nuôi trồng thủy sản biển: Chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, hải sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Môi giới bất động sản;
- Đại lý du lịch;
- Bán buôn thực phẩm: Bán buôn bánh kẹo các loại.

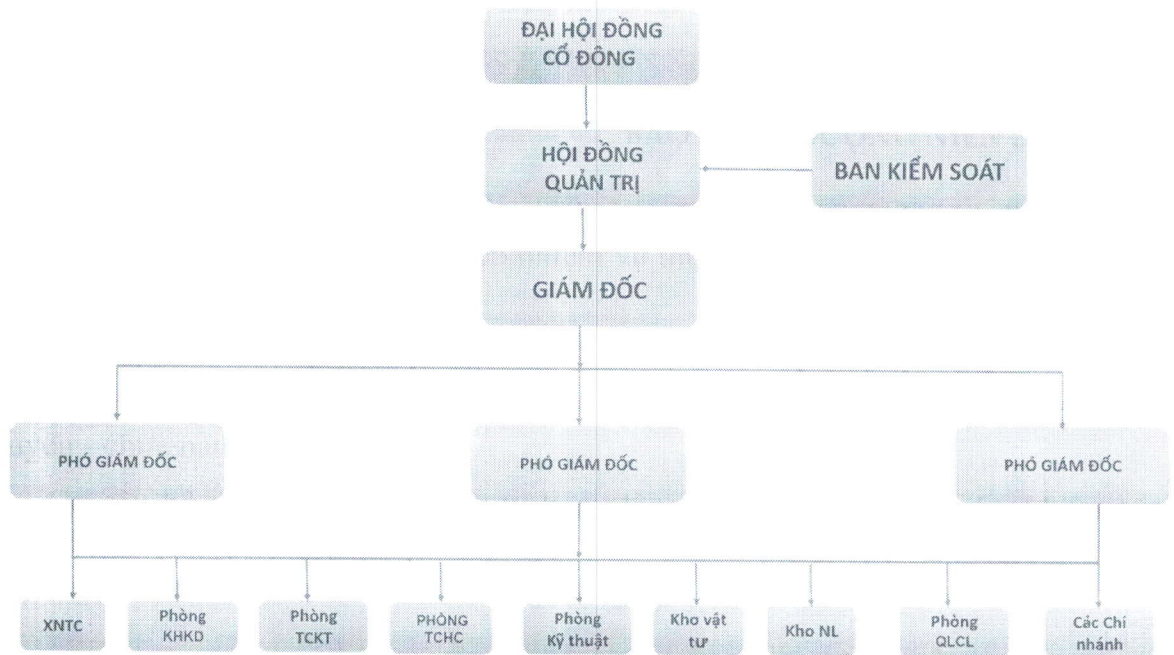
Địa bàn hoạt động của Công ty: tại các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên và Miền

Đông Nam Bộ, gồm các tỉnh: Quảng Nam, Gia Lai, Đắk Lắk, Ninh Thuận, Đồng Nai, Tây Ninh. Các chi nhánh của Công ty có nhiệm vụ thực hiện đầu tư gieo trồng, sơ chế và mua nguyên liệu các loại.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Cơ chế quản trị của Công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến - chức năng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty hoạt động theo loại hình doanh nghiệp cổ phần, do đó cơ cấu bộ máy quản lý như sau:



5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phấn đấu đến năm 2030 là nhà cung cấp nguyên liệu thuốc lá và dịch vụ sơ chế tách cọng đứng đầu tại thị trường Việt Nam.

- Hợp tác phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường và có trách nhiệm với Cộng đồng.

- Từng bước ổn định và nâng cao năng lực hoạt động, sức cạnh tranh, hiệu quả sản xuất kinh doanh phù hợp với nguồn lực hiện hữu của Công ty, trên cơ sở tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và có tinh thần trách nhiệm cao với công việc, đáp ứng được nhu cầu đổi mới, bắt kịp đà phát triển của ngành nghề hoạt động và xã hội.

- Với bối cảnh hiện nay của ngành, Công ty xác định nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ là điều kiện tiên quyết để Công ty tồn tại và phát triển. Cụ thể như sau:

+ Đầu tư sản xuất nguyên liệu: Cải tiến qui trình canh tác, kiểm soát tốt quá trình sản xuất để tạo ra các loại nguyên liệu phù hợp với thị hiếu khách hàng. Hạn chế tối đa các cấp loại nguyên liệu có thể tồn kho.

+ Trong lĩnh vực sơ chế tách cọng: Nghiên cứu cải tiến máy móc thiết bị, tạo độ ổn định, đồng đều cho thành phẩm thu hồi, chất lượng sản phẩm đáp ứng các thông số kỹ thuật khách hàng yêu cầu. Kiểm soát tốt tạp vật trong quá trình sơ chế tách cọng. Tiếp tục nghiên cứu cải thiện môi trường làm việc tại Xí nghiệp tách cọng.

+ Thiết kế các gói sản phẩm dịch vụ sơ chế tách cọng phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Dùng các thể mạnh về kho bãi, dịch vụ hỗ trợ hoặc chính sách giá ưu đãi cho khách hàng truyền thống, khách hàng lớn để cạnh tranh với các đối thủ.

- Tiêu thụ nguyên liệu: là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty. Tích cực tìm kiếm khách hàng tiêu thụ trong nước và xuất khẩu để tiêu thụ nguyên liệu của Công ty. Cố gắng giữ mức tồn kho nguyên liệu ở mức hợp lý để giảm bớt chi phí tài chính. Duy trì quan hệ với khách hàng xuất khẩu truyền thống, chủ động tìm thêm khách hàng mới để mở rộng thị trường.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (Môi trường, xã hội và cộng đồng)

- Luôn tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường và sản xuất thuốc lá bền vững trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất của Công ty nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động trong công ty, các đối tác và cộng đồng dân cư địa phương.

- Hàng năm, Chính quyền, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty tham gia công tác xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ bà con nông dân tại các vùng trồng của công ty nhằm thực hiện tốt phong trào Công nghiệp hóa phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, thông qua việc đóng góp kinh phí xây dựng hệ thống đường giao thông nông thôn, xây dựng trạm bơm, hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh virus trên cây thuốc lá, xây nhà tình nghĩa và tặng sổ tiết kiệm cho các gia đình khó khăn.

6. Các rủi ro

- Trong thời gian tới, Việt Nam hội nhập sâu, rộng hơn sẽ phải thực hiện đầy đủ các cam kết khi tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều khó khăn, thách thức.

- Đối với ngành Thuốc lá:

Lộ trình giảm tar và nicotine đối với sản phẩm thuốc lá dự kiến sẽ áp dụng sau năm 2020, cùng với sự chuyển đổi về nhu cầu tiêu dùng và xu hướng tiêu dùng đòi hỏi các công ty sản xuất thuốc lá điều phải cải tiến, hiện đại hóa công nghệ sản xuất để đáp ứng chất lượng sản phẩm tốt và ít độc hại hơn. Luật Phòng chống tác hại thuốc lá tiếp tục ảnh hưởng sâu rộng đến mọi mặt hoạt động SXKD của ngành. Việc tăng chi phí sản xuất đầu vào do đóng góp Quỹ phòng chống tác hại thuốc lá, thay đổi nhãn cảnh báo sức khỏe, một số các chính sách thuế và phí đối với ngành thuốc lá đang được xem xét áp dụng sẽ làm giảm chỉ tiêu lợi nhuận do giá bán sản phẩm khó điều chỉnh tăng tương ứng. Hoạt động buôn lậu thuốc lá tiếp tục diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương với các phương thức và thủ đoạn tinh vi hơn. Các chính sách về kiểm soát nguồn cung thuốc lá trên thế giới do Việt Nam tham gia Công ước khung về kiểm soát

thuốc lá (FCTC) của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) có thể tác động đến hoạt động xuất khẩu của ngành. Các thay đổi về môi trường pháp lý, đặc biệt là hệ thống các văn bản quy phạm pháp lý quản lý SXKD ngành thuốc lá sẽ chặt chẽ hơn, ảnh hưởng mạnh đến hoạt động của các doanh nghiệp toàn ngành. Sản phẩm thuốc lá nội địa sẽ phải chịu sự cạnh tranh mạnh từ các sản phẩm thuốc lá thể hệ mới (*thuốc lá điện tử, các sản phẩm giảm thiểu tác hại và thay thế thuốc lá...*) đang được bán tự do, rộng rãi trên thị trường nhưng chưa được quản lý sẽ gây thất thoát ngân sách Nhà nước và ảnh hưởng đến người tiêu dùng, hoạt động của ngành.

Tổng tiêu thụ thuốc lá điều toàn ngành dự kiến không tăng nhưng mức độ cạnh tranh được dự báo sẽ ở mức cao hơn, thị trường tiêu thụ sản phẩm phổ thông sẽ tiếp tục bị thu hẹp, phân khúc trung cấp tiếp tục tăng trưởng, song tốc độ chậm lại. Nhóm sản phẩm cận cao cấp nội địa có tiềm năng phát triển nếu khai thác tốt các thị trường ngách với những sản phẩm đặc thù.

Chính sách kiểm soát nhập khẩu thuốc lá của các quốc gia trên thế giới có xu hướng ngày càng chặt chẽ và gay gắt, đặc biệt đại dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của Virus Corona bùng phát rất mạnh tại Trung Quốc, lây lan ra nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trong đó có Việt Nam đã gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động xuất khẩu của Tổng công ty và nguồn nguyên liệu nhập khẩu phục vụ gia công tác cọng của các Công ty nguyên liệu.

- Đối với Công ty: Dự báo năm 2020 Công ty sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn do sự sụt giảm cả về quy mô, sản lượng và giá trị trên tất cả các lĩnh vực từ đầu tư, sản xuất, thu mua tiêu thụ nguyên liệu đến chế biến tách cọng nguyên liệu thuốc lá. Tình trạng cạnh tranh thu mua nguyên liệu tại các vùng trồng sẽ diễn ra gay gắt hơn các năm trước.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.

Chỉ tiêu	Đvt	TH vụ (2018-2019)	KH vụ (2019-2020)	TH vụ (2019-2020)	Tỷ lệ (%)	
					TH(19-20)/ TH(18-19)	TH (19-20)/ KH (19-20)
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1 . Diện tích	ha	1.350,2	1.490	1.352,7	100,2	90,8

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2018	Năm 2019		Tỷ lệ %	
			TH	KH	TH	TH 19/ TH 18	TH 19/ KH /19
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
2	Thu mua	Tấn	4.109	4.347	3.268	79,5	75,2
	- Nguyên liệu NL đầu tư	"	3.667	3.847	2.864	78,1	74,4
	- Nguyên liệu TL TM	"	442	500	404	91,4	80,8
3	Tách cọng	Tấn	10.410	9.310	8.719	83,8	93,7
	- Thuốc lá tách cọng	"	10.389	9.310	8.640	83,2	92,8
	- Thuốc lá tằm	"	20,7	0	78,9		

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2018	Năm 2019		Tỷ lệ %	
			TH	KH	TH	TH 19/ TH 18	TH 19/ KH /19
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
4	Tiêu thụ	Tấn	4.963	4.882	4.193	84,5	85,9
4.1	Tiêu thụ NL ĐT	"	4.521	4.382	3.790	83,8	86,5
4.2	Tiêu thụ NL TM	Tấn	442	500	404	91,4	80,8
5	Tài chính						
	- Doanh thu	tỷ	428,3	463,8	366	85,4	78,9
	- Nộp ngân sách	"	2,33		2,29	98,3	
	- Lợi nhuận trước thuế	"	5,286	8,0	10,567	199,9	132,1
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	411		822		200,0

1.2. Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch

- Diện tích đầu tư vụ mùa 2019-2020 chỉ đạt gần 91% so với chỉ tiêu kế hoạch.
- Sản lượng thu mua đạt 75,2 % kế hoạch năm.
- Sản lượng tách cọng thực hiện năm 2019 là 8.719 tấn, chỉ đạt 93,7% kế hoạch.
- Sản lượng tiêu thụ đạt gần 86 % kế hoạch năm.
- Doanh thu đạt gần 79% kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2019 là 10,567 tỷ đồng, tăng 32,1% so với chỉ tiêu Tổng công ty giao và gấp gần 2 lần so với CKNT.

Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Công ty:

Diện tích trồng thuốc lá Vàng sậy vụ 2019-2020 không đạt kế hoạch đề ra do chi phí đầu vào sản xuất tăng, làm giảm hiệu quả đầu tư trồng thuốc lá nên người dân chuyển sang canh tác các loại cây trồng khác; mặt khác do điều kiện thời tiết khí hậu diễn biến bất thường và dịch bệnh Virus gây thiệt hại nặng cho một số vùng ở các vụ trước nên nông dân có xu hướng thu hẹp diện tích thực hiện. Diện tích trồng Burley tập trung chủ yếu ở vùng trồng Quảng Nam, đầu tư sản xuất theo HT3. Do doanh nghiệp mới thành lập nên còn khó khăn trong công tác phát triển diện tích trồng. Diện tích trồng nâu Madole, mặc dù có tăng 24,4% so với vụ mùa trước, nhưng chỉ đạt gần 73% so với kế hoạch do hạn hán kéo dài từ đầu vụ tại Ninh Thuận, nông dân không có đủ nước tưới để trồng nên giảm diện tích. Công ty đã triển khai trồng thử nghiệm Burley tại Chi nhánh Tây Ninh và Madole tại vùng Đăk Lăk nhưng diện tích còn ít và chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Sản lượng thu mua trong năm 2019 không đạt kế hoạch và thấp hơn so với CKNT do diện tích và năng suất đồng ruộng đều giảm vì điều kiện thời tiết bất lợi và dịch bệnh Virus; cạnh tranh thu mua gay gắt giữa các doanh nghiệp.

Công ty đã tiêu thụ gần hết (98,4%) nguyên liệu đầu tư thu mua trong năm 2019, chỉ tồn kho 60 tấn.

Công tác gia công tách cọng tại Công ty gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh

cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Trong năm, hoạt động gia công tách cọng chỉ diễn ra vào những tháng cao điểm thu hoạch của vụ mùa 2018-2019 nên lao động tại Xí nghiệp tách cọng phải nghỉ ngừng việc dài ngày trong những tháng đầu năm với tổng ngày công là 4.797 ngày, tương ứng với số tiền chi trả lương ngừng việc là 784,2 triệu đồng.

Doanh thu thực hiện năm 2019 giảm do các chỉ tiêu về sản lượng thu mua, tiêu thụ, gia công tách cọng chỉ đạt từ 75- 93% so với kế hoạch. Ngoài ra, để đẩy mạnh tiêu thụ hàng tồn kho trong năm 2019, Công ty đã giảm giá bán một số nguyên liệu so với khi xây dựng kế hoạch, doanh thu từ kinh doanh vật tư nông nghiệp giảm do diện tích đầu tư vụ mùa 2018-2019 chỉ đạt 90% kế hoạch đề ra.

Tổng chi phí thực hiện trong năm 2019 là 355,6 tỷ đồng, bằng 78% so với kế hoạch và thấp hơn 16% so với CKNT; trong đó, chi phí lãi vay năm 2019 gần 4,9 tỷ đồng, bằng 61% so với kế hoạch. Nhờ tiết kiệm chi phí và tiếp cận được các nguồn vốn với lãi vay thích hợp, lợi nhuận thực hiện năm 2019 đạt gần 10,6 tỷ đồng, tăng 32,1% so với kế hoạch TCT giao và gấp gần 2 lần so với CKNT. Với lợi nhuận đạt được, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 là 822 đồng/ cổ phiếu, tăng gấp 2 lần so với năm 2018.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Tóm tắt lý lịch
1	Ông Hà Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT	Giới tính: Nam Ngày tháng năm sinh: 10/3/1976 Nơi sinh: Phú Thọ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế, cử nhân kinh tế, Kỹ sư xây dựng
2	Ông Lê Văn Khuê	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty	Giới tính: Nam Ngày tháng năm sinh: 22/11/1960 Nơi sinh: Cái Bè – Tiền Giang Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông học, Trung cấp Kế toán, CEO
3	Bà Nguyễn Diệu Hương	Ủy viên HĐQT	Giới tính: Nữ Ngày tháng năm sinh: 13/02/1972 Nơi sinh: Hà Nội Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
4	Ông Đinh Tiến Lộc	Ủy viên HĐQT	Giới tính: Nam Năm sinh: 1967 Nơi sinh: TP Hồ Chí Minh

STT	Họ và Tên	Chức danh	Tóm tắt lý lịch
			Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật Hóa học và Thực phẩm
5	Bà Đặng Thị Thu Thảo	Ủy viên HDQT, P.GĐ Công ty	Giới tính: Nữ Ngày tháng năm sinh: 22/6/1967 Nơi sinh: Bến Tre Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp
6	Ông Nguyễn Đức Lượng	Phó Giám đốc Công ty	Giới tính: Nam Ngày tháng năm sinh: 09/11/1963 Nơi sinh: Xuân Thủy, Nam Hà Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
7	Ông Lương Hữu Hưng	Phó Giám đốc Công ty	Giới tính: Nam Ngày tháng năm sinh: 23/8/1975 Nơi sinh: Phú Thọ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
8	Bà Nguyễn Thị Thành	Kế toán trưởng	Giới tính: Nữ Ngày tháng năm sinh: 03/7/1965 Nơi sinh: Hưng Yên Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

- Số lượng CB CNV: CBCNV có mặt đến 31/12/2019 là 289 người, trong đó:

Phân loại theo trình độ	Số lao động	Tỷ lệ (%)
Đại học trở lên	65	22,49
Cao đẳng, trung cấp	49	16,96
Sơ cấp, công nhân kỹ thuật và lao động chưa qua đào tạo	175	60,55

3. Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Trong năm 2019 Công ty không thực hiện đầu tư các công trình trọng điểm, chỉ tập trung sửa chữa các công trình hiện có để khai thác có hiệu quả như thay tôn, lắp tấm cách nhiệt... ở XNTPC và các kho chứa nguyên liệu.

4. Tình hình tài chính

- Tình hình tài chính:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tỷ lệ 2019/2018
A	B	1	2	3=1/2*100
01	Tổng trị giá tài sản	189.677	256.332	73,58
02	Doanh thu thuần	366.076	427.797	85,57
03	Doanh thu tài chính	13,6	127	10,7
04	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.467	5.041	207,63
05	Lợi nhuận khác	99,7	245	40,69
06	Lợi nhuận trước thuế	10.567	5.286	200,00
07	Lợi nhuận sau thuế	10.567	5.286	200,00

- Các chỉ tiêu chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT lần	Năm 2019	Năm 2018	Tăng /giảm
1	Hệ số thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,99	1,34	0,65
	Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,41	0,83	0,58
2	Chỉ tiêu cơ cấu về vốn				
	Hệ số nợ / tổng tài sản	%	29,56	52,00	22,44
	Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	%	41,95	108,31	66,36
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	6,47	4,38	2,09
	Vòng quay của tài sản	vòng	1,64	1,58	0,06
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	%	2,89	1,24	1,65
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	%	8,23	4,39	3,84
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	%	4,74	1,95	2,79
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	%	2,89	1,24	1,65

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**a. Cổ phần**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.853.052 cổ phần.

- Loại cổ phần đang lưu hành: 12.853.052 cổ phần phổ thông.

TT	Cổ đông	Tại thời điểm 18/02/2020		
		Số lượng Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
I	Cổ đông trong nước	442	12.853.052	100
1	Nhà nước (TCT Thuốc lá Việt Nam)	1	9.778.162	76,08
2	Cá nhân thành viên: HĐQT, BGD, BKS, KTT	6	80.393	0,63
3	Các cá nhân	433	1.796.300	13,97
4	Tổ chức trong nước	2	1.198.197	9,32
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	TỔNG CỘNG	442	12.853.052	100

a. Thông tin cổ đông lớn

- Danh sách cổ đông lớn (Tỷ lệ % sở hữu \geq 5%)

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%) sở hữu
1	TCT Thuốc lá Việt Nam	Tầng 4, Tòa nhà Phú Điền, 83A Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.	9.778.162	76,08
2	Cty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	Lô C45/I Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, H. Bình Chánh, HCM	838.738	6,53
	TỔNG CỘNG		10.616.900	82,61

b. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Công ty không thực hiện tăng vốn cổ phần trong năm 2019.

c. Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

d. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Tổng lượng nguyên liệu sử dụng: 13.222.284 kg.

- Tổng lượng sản phẩm:

8.640.396 kg.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Điện (kw)	Dầu DO (lít)	Xăng (lít)	LPG (kg)	Hơi nước (tấn)
5.569.756	22.680	20.579	30.057	9.120

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Trong năm 2019, với việc áp dụng hiệu quả các giải pháp điều hành, vận hành thiết bị hợp lý, kết quả tiêu thụ điện năng tại Xí nghiệp tách cọng giảm 3,6 Kwh/ tấn SP (Năm 2018: 211,1 Kwh/tấn SP, năm 2019: 207,5 Kwh/tấn SP).

6.3. Tiêu thụ nước

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai.
- Lượng nước sử dụng: 68.420 m³, cấp cho các hoạt động sinh hoạt, nấu ăn, sản xuất, công tác phòng cháy chữa cháy, kho lạnh, xây dựng nhà kho, công tác vệ sinh thiết bị, nhà xưởng...

b. Nước thải: xử lý đạt quy chuẩn TCVN 40:2011/BTNMT.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Là doanh nghiệp sản xuất, Công ty luôn nhận thức rằng hoạt động gia công tách cọng của Công ty có những tác động đến môi trường xung quanh. Do vậy, Công ty đã:

- Tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường như: Thực hiện quan trắc, thuê đánh giá và lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ 2 lần/năm. Kiểm tra hệ thống xử lý nước thải mỗi quý và báo cáo tình hình xả nước thải vào nguồn nước theo qui định.

- Thực hiện nhiều giải pháp để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường như: thu gom và xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi thải ra môi trường, thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn, các loại chất thải được lưu giữ tạm thời tại khu vực chứa chất thải được xây dựng trên nền bê tông, có mái che và hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý từng loại chất thải theo đúng qui định. Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại và đã xây dựng phương án phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường do chất thải nguy hại gây ra.

Nhờ thực hiện tốt các hoạt động bảo vệ môi trường nên trong nhiều năm Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Năm 2019, năng suất lao động bình quân của người lao động toàn Công ty đạt 147,63 triệu đồng, tăng 22,4% so với kế hoạch và bằng 134,8% so với năm 2018. Mặt khác, lợi nhuận thực hiện năm 2019 vượt 32,1% so với kế hoạch Tổng công ty giao nên thu nhập bình quân của người lao động từ lương thực trích tăng 18,42% so với kế hoạch.

Chỉ tiêu lao động	Đvt	Năm 2019		Tỷ lệ %
		KH	TH	TH/KH
Số lượng lao động có mặt đến 31/12	Người	295	284	96,27
Số lượng lao động bình quân năm	"	358	340	94,97
Thu nhập BQ của người lao động từ quỹ lương thực trích (1.000đ/ng/th)		7.662	9.073	118,42

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

*** Thời gian làm việc trong ngày được quy định:**

- Khối trực tiếp sản xuất chế biến tách cọng và phục vụ, phụ trợ: Thời gian làm việc 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần

- Khối đầu tư vùng nguyên liệu và chuyên môn-nghiệp vụ: Thời gian làm việc 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần

*** Chi phí sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**

- Tổng chi phí cho trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân và các biện pháp kỹ thuật an toàn 1.243,21 triệu đồng

- Tổng chi phí cho các biện pháp kỹ thuật vệ sinh lao động phòng chống độc hại, cải thiện điều kiện lao động, bảo vệ môi trường là 354,15 triệu đồng.

- Tổng chi phí về chăm sóc, khám sức khỏe và bệnh nghề nghiệp định kỳ toàn Công ty là 220,133 triệu đồng.

- Định suất ăn giữa ca là 20.000 đồng/người và Tổng chi phí bồi dưỡng bằng hiện vật (sữa) là 699,702 triệu đồng.

- Công ty tổ chức thực hiện nhiều chính sách phúc lợi theo tinh thần Thỏa ước Lao động tập thể như: Trợ cấp khó khăn thường xuyên hàng tháng, hoặc đột xuất cho người lao động (nếu có) trong trường hợp bị bệnh, hoặc tai nạn rủi ro phải điều trị dài ngày; phúng viếng tứ thân phụ mẫu, vợ/chồng/con của người lao động,...

- Công ty duy trì mô hình bếp ăn tập thể theo nguyên tắc một chiều, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Thức ăn được bộ phận Y tế thực hiện lưu mẫu hàng ngày theo đúng quy định. Toàn bộ thực phẩm, hàng hóa, phụ gia đầu vào đều có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Trung bình hàng năm Công ty có khoảng 1.000 giờ đào tạo, bình quân 3.5 giờ/năm/nhân viên.

- Công ty thường xuyên tạo điều kiện cho CB.CNV tham gia các lớp tập huấn hoặc các buổi chuyên đề về chính sách pháp luật của Nhà nước khi có thay đổi. Đồng thời Công ty cũng quan tâm, động viên giúp đỡ và khuyến khích cho người lao động học tập nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty

- Công tác đào tạo về an toàn luôn được Công ty hết sức chú trọng. Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện một số chương trình đào tạo như: Tổ chức huấn luyện sơ cấp cứu ban đầu (30 lượt người), công tác an toàn, vệ sinh lao động (211 lượt người), tuyên truyền về PCCC và xây dựng phong trào toàn dân tham gia PCCC (40 lượt người), huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng PCCC tại cơ sở (80 lượt người).

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng doanh thu thực hiện năm 2019 là 366 tỷ đồng, đạt 78,9 % so kế hoạch, bằng 85,6% so với CKNT; Nộp ngân sách đạt 2,29 tỷ đồng, bằng 98,3 % so với năm 2018; Lợi nhuận thực hiện năm 2019 là 10,567 tỷ đồng, gấp gần 02 lần so với CKNT; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2019 tăng 55% so với kế hoạch TCT giao và vượt 87,5% so với năm 2018.

Trong năm 2019, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp khó khăn. Mặc dù doanh thu thực hiện chưa đạt kế hoạch đề ra nhưng Công ty đã năng động đưa ra nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, ổn định sản xuất, đẩy mạnh tiêu thụ nguyên liệu, nhất là nguyên liệu tồn kho từ các vụ mùa trước; tích cực tìm kiếm nguồn hàng phục vụ công tác gia công tách cọng, thu hồi công nợ; chủ động tìm nguồn vốn vay với lãi suất phù hợp để phục vụ hoạt động sản xuất, kiểm soát tốt chi phí, sử dụng vốn hợp lý, triển khai hiệu quả công tác sắp xếp lại tổ chức, định biên lao động, góp phần cải thiện hiệu quả kinh doanh của Công ty.

2. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tỷ lệ % tăng /giảm
A	B	1	2	3=1/2*100
1	Tài sản ngắn hạn	114.955	173.975	-59.020
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	6.305	1.665	4.640
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	70.197	102.183	-31.986
	- Hàng tồn kho	32.495	65.327	-32.832
	- Tài sản ngắn hạn khác	5.958	4.800	1.158
2	Tài sản dài hạn	74.722	82.357	-7.635
	- Tài sản cố định	74.251	81.886	7.635
	- Tài sản dở dang dài hạn	471	471	
	CỘNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	189.677	256.332	-66.655
1	Nợ phải trả	56.059	133.281	-77.222

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tỷ lệ % tăng/giảm
	- Nợ ngắn hạn	56.059	128.613	-72.554
	- Nợ dài hạn		4.668	-4668
2	Vốn chủ sở hữu	133.618	123.051	10.567
	CỘNG NGUỒN VỐN	189.677	256.332	-66.655

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm 2019, Công ty đã hoàn tất thủ tục giải thể Chi nhánh Quảng Nam.
- rà soát, sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng Công ty; Ban hành thang lương bảng lương khu vực Công ty và các Chi nhánh; Ban hành quy chế dân chủ, Ban hành định mức về năng suất, năng lực chế biến của xưởng sản xuất thuốc lá tẩm; Ban hành quy định quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ phục vụ công tác an ninh của Công ty; Ban hành định mức cho dây chuyền sơ chế tách cọng, định mức VPP và định mức tồn kho vật tư, phụ tùng thay thế; Ban hành quy chế hoạt động về công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ của Công ty. Đồng thời kiện toàn 10 Hội đồng/Ban tham mưu theo chức năng.
- Chú trọng công tác tư tưởng CBCNV, giữ vững đoàn kết, đồng thuận để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra. Tăng cường công tác quản lý, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát hoạt động các đơn vị trực thuộc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong năm 2020, Công ty vẫn tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh truyền thống như: đầu tư sản xuất, thu mua nguyên liệu thuốc lá, sơ chế tách cọng nguyên liệu và hoạt động kinh doanh kho bãi.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần: Không có.

7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):

Công ty luôn thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, không ngừng nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và xây dựng kế hoạch giảm thiểu nhiên liệu sử dụng trong sản xuất nhằm góp phần bảo vệ môi trường tốt hơn.

b. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Chính sách của Công ty hướng đến đảm bảo các yêu cầu chất lượng về sản phẩm và dịch vụ, quan tâm, chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, phát triển theo hướng bền vững. Cụ thể như sau:

- Kiểm soát từ nguồn nguyên liệu đưa vào sản xuất đến đóng gói thành phẩm. Áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

- Thực hiện Chương trình sản xuất thuốc lá bền vững (STP - Sustainable Tobacco Programme) để tạo ra sản phẩm, dịch vụ an toàn và góp phần bảo vệ môi trường.

- Công ty đã thiết lập cam kết ba bên với chính quyền địa phương và người trồng thuốc lá về thực hiện bảo tồn đất, bảo tồn nước và giảm thiểu ô nhiễm không khí từ hoạt động sản xuất thuốc lá cũng như các yêu cầu khác liên quan đến môi trường sinh thái.

- Thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, tích cực tham gia đóng góp kinh phí cho các hoạt động xã hội, từ thiện.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

a. Công tác nguyên liệu

Tổng diện tích thực hiện vụ mùa 2019-2020 là 1.352,7 ha, đạt 90,8% so với kế hoạch và tương đương với CKNT. Trong đó, diện tích thực hiện trên cả 03 chủng loại: Vàng sậy, Burley và Madole đều không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, diện tích trồng Burley và Madole đều tăng so với vụ mùa 2018-2019.

b. Công tác thu mua

Sản lượng thu mua nguyên liệu đầu tư vụ 2018-2019 là 2.864 tấn, đạt 74,4% so với kế hoạch và chỉ bằng 78,1 % so với CKNT. Trong đó, sản lượng thu mua trên cả 03 chủng loại nguyên liệu đều không đạt kế hoạch và thấp hơn so với CKNT.

c. Thu hồi công nợ đầu tư sản xuất nguyên liệu

Tổng vốn đầu tư sản xuất nguyên liệu vụ mùa 2018–2019 gần 21,84 tỷ đồng; tính đến 31/12/2019 Công ty đã thu hồi 100 % công nợ đầu tư.

d. Công tác tách cọng

Năm 2019, sản lượng nguyên liệu gia công tách cọng của Công ty là 8.640 tấn, đạt 92,8% so với kế hoạch và bằng 83,2% so với CKNT. Do đơn hàng gia công tách cọng đầu năm ít nên người lao động tại Xí nghiệp tách cọng phải nghỉ ngừng việc dài ngày với tổng ngày công là 4.797 ngày, tương ứng với số tiền chi trả lương ngừng việc cho người lao động là 784,2 triệu đồng. Mặc dù sản lượng gia công tách cọng thực hiện năm 2019 thấp hơn kế hoạch 670 tấn, nhưng do đơn giá gia công tách cọng thực tế cao hơn so với dự kiến nên doanh thu thực hiện trên lĩnh vực gia công tách cọng năm 2019 tăng 3,2% so với kế hoạch đề ra.

e. Kinh doanh nguyên liệu thuốc lá

Sản lượng nguyên liệu tiêu thụ thực hiện năm 2019 là 4.193 tấn, đạt 85,9% so với kế hoạch và bằng 84,5% so với CKNT. Chủng loại nguyên liệu tiêu thụ của Công ty chủ yếu là Vàng sậy nội địa. Trong đó, sản lượng nguyên liệu thu mua đầu tư năm 2019

giảm 13,5% so với kế hoạch (tương đương 592 tấn) do diện tích đầu tư giảm và cạnh tranh mua bán; sản lượng nguyên liệu thu mua thương mại giảm 191 tấn so với kế hoạch do thị trường nguyên liệu nội địa cuối vụ và xuất khẩu thuốc lá điều bị chững lại.

Đến 31/12/2019, lượng nguyên liệu thuốc lá thành phẩm tồn kho là 207 tấn, giảm 75,4% so với CKNT. Trong đó, nguyên liệu tồn kho các năm trước là 142 tấn và năm 2019 là 65 tấn.

f. Công tác tài chính

Công ty đã kiểm soát tốt chi phí, sử dụng vốn hợp lý... nên đã giảm được nguyên liệu tồn kho, cung cấp đủ vốn cho sản xuất kinh doanh, tiết giảm chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2019.

g. Lao động - tiền lương

Số lượng lao động bình quân năm 2019 là 340 người, giảm 5% so với kế hoạch và bằng 87,8% so với CKNT. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng HĐQT và Ban Giám đốc Công ty rất quan tâm đến việc đảm bảo đời sống của người lao động. Thu nhập bình quân của người lao động từ lương thực trích năm 2019 đạt 9.073.000 đồng/người/tháng, vượt 18,42 % so kế hoạch và tăng 31,3% so với năm 2018.

h. Công tác đầu tư - xây dựng cơ bản

Công ty đã nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng 08 hạng mục về cải tạo, sửa chữa các công trình phục vụ sản xuất.

i. Công tác đoàn thể

- Tiếp tục thực hiện tốt chức năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các quy định đã ký kết trong Thỏa ước lao động tập thể.

- Động viên, thông tin cho người lao động hiểu về tình hình khó khăn chung của Công ty để có sự cảm thông, chia sẻ.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban Giám đốc Công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ và nghiêm túc những nội dung của Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, triển khai đến từng cán bộ quản lý, phòng ban và Chi nhánh.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, các quy định, quy chế của Công ty trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

- Tiếp tục củng cố và nâng cao hình ảnh thương hiệu Hoà Việt trong nội bộ Tổng Công ty và đối tác bên ngoài.

- Tập trung nguồn lực tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ Công ty lần thứ IX nhiệm kỳ 2020-2025 và Đại hội cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Hòa Việt năm 2019.

- Mở rộng kinh doanh nguyên liệu và đầu tư phát triển vùng trồng.

- Nâng cao hiệu quả kinh doanh dịch vụ gia công tách cọng nguyên liệu và cung ứng kho vận.

- Tiếp tục sắp xếp, củng cố, đổi mới cơ cấu tổ chức, định biên lao động theo hướng tinh gọn và hiệu quả.

- Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực, đảm bảo thu nhập bình quân cho người lao động.

- Tăng cường các giải pháp quản lý vốn và tài chính.

- Tiếp tục cải tiến máy móc, thiết bị; áp dụng công nghệ mới tại XNTC.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

- Kiến nghị Tổng công ty:

+ Trình Chính phủ chỉ đạo Bộ và các Cơ quan ban ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát các đơn vị sử dụng nguyên liệu thuốc lá thực hiện đúng các quy định của pháp luật tại Nghị định 67/2013/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá, Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP.

+ Căn cứ quy định mới tại Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018, kiến nghị Bộ Công Thương tiếp tục quản lý hạn ngạch nhập khẩu nguyên liệu phù hợp với chính sách hỗ trợ sản xuất nguyên liệu nội địa.

+ Tổng công ty tiếp tục làm cầu nối giữa các đơn vị sản xuất và sử dụng nguyên liệu thuốc lá trong Tổ hợp để tạo điều kiện thực hiện định hướng nội địa hoá nguyên liệu trong cơ cấu sử dụng nguyên liệu và khuyến khích sử dụng nguyên liệu trong nội bộ. Đặc biệt là xúc tiến việc ký kết các hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất và tiêu thụ nguyên liệu.

+ Định kỳ hàng năm kiểm tra tình hình chấp hành Quy chế thu mua, giao nhận nguyên liệu thuốc lá của Tổng công ty, tình hình thực hiện hợp đồng nguyên tắc 03 năm cũng như tình hình hỗ trợ công tác gia công của các Công ty thuộc điều.

3.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2020
01	Diện tích Vụ mùa 2020-2021	ha	1.530
02	Thu mua	Tấn	4.194
03	Chế biến	"	8.056
04	Tiêu thụ	"	4.121

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2020
05	Doanh thu	tỷ	386
06	Lợi nhuận sau thuế	"	9
07	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu BQ	%	6,0

3.2. Các nhóm giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020

3.2.1. Về sản xuất kinh doanh:

a. Kinh doanh và đầu tư sản xuất nguyên liệu

- Chủ động đưa ra những giải pháp cải tiến chất lượng hàng hóa và dịch vụ, chính sách giá... phù hợp để duy trì mối quan hệ hợp tác với khách hàng.

- Nâng cao chất lượng và đa dạng hoá sản phẩm cung cấp cho khách hàng như:

+ Nghiên cứu đa dạng hoá sản phẩm cung ứng cho khách hàng: nguyên liệu lá, nguyên liệu tách cọng, các loại phụ phẩm,...

+ Chú trọng cải thiện chất lượng thuốc lá Burley và đầu tư đáp ứng đơn hàng xuất khẩu Madole.

- Triển khai ký hợp đồng hợp tác đầu tư từ đầu vụ mùa để cùng phối hợp trong quá trình đầu tư sản xuất và nhận đầu tư từ khách hàng để giảm tải nhu cầu tài chính.

- Triển khai kế hoạch đầu tư cụ thể từng đơn hàng/hợp đồng đến các Chi nhánh để việc tổ chức đầu tư sản xuất và giao hàng phù hợp.

- Làm việc với các khách hàng để xác nhận chính thức nhu cầu nguyên liệu, đặc biệt là yêu cầu của khách hàng về tiêu chuẩn sản phẩm để thiết kế quy trình canh tác nhằm sản xuất đúng loại sản phẩm khách hàng cần.

- Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp: Kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất nguyên liệu đầu tư; thực hiện các giải pháp cải thiện chất lượng và giảm tỷ lệ thuốc cấp thấp trong sản lượng mua vào; tiếp tục sắp xếp và tinh gọn nhân sự tại các Chi nhánh vùng trồng để giảm giá thành sản xuất; đảm bảo giá thu mua nguyên liệu phải tỷ lệ thuận với chất lượng sản phẩm để kích thích người trồng thuốc mạnh dạn đầu tư sản xuất sản phẩm chất lượng tốt nhằm thu lợi nhuận cao.

- Hỗ trợ các Chi nhánh tìm khách hàng để tiêu thụ lượng nguyên liệu còn lại sau khi phân loại cho các đơn hàng đã giao nhằm giải phóng nhanh nguyên liệu, thu hồi vốn. Tách cọng mẫu để chào hàng sớm ngay khi có thể. Tăng cường kiểm tra, giám sát các nhà cung cấp HT3 để cung ứng đúng số lượng, chất lượng nguyên liệu theo các đơn hàng và bảo toàn vốn đầu tư.

- Thương thảo với khách hàng về thời gian giao nhận hàng hoá để giao ngay sản phẩm sau khi phân loại xong, hạn chế thời gian lưu kho bảo quản, tránh xuống cấp, ẩm, mốc; nâng cao chất lượng phối chế theo đơn đặt hàng, bảo quản nguyên liệu đã tách cọng trong kho mát trước khi giao hàng.

b. Công tác gia công tách cọng

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giữ chân các khách hàng truyền thống, tìm kiếm thêm khách hàng gia công nội địa và nước ngoài. Đối với khách hàng nội địa: Khai thác thêm nhóm doanh nghiệp kinh doanh nguyên liệu thuốc lá trong nước bằng việc cho khách hàng chiếm dụng kho bãi để bảo quản sản phẩm sau tách cọng chờ tiêu thụ, hỗ trợ cước vận chuyển để thu hút nguồn hàng gia công từ phía Bắc. Đối với khách hàng nước ngoài: Mở rộng nhiều kênh thông tin, quảng bá sản phẩm, dịch vụ để thu hút khách hàng nước ngoài đặt hàng gia công tách cọng hoặc sản xuất xuất khẩu.

- Khảo sát khối lượng công việc cụ thể để định biên lao động/ ca sản xuất phù hợp, tránh lãng phí nhân công; duy trì hoặc tiết giảm mức tiêu hao điện năng/ tấn thành phẩm.

- Phân công nhân sự hợp lý theo đúng định biên lao động tại XNTC. Những vị trí không cần lao động có trình độ chuyên môn cao hoặc kinh nghiệm thì có thể sử dụng lao động thuê ngoài để giảm chi phí phải trả lương khi nghỉ ngừng việc (khoảng 30 vị trí).

c. Kinh doanh dịch vụ kho vận

- Đánh giá đầy đủ, chính xác, thận trọng trong lĩnh vực kho vận; có kế hoạch cụ thể, chi tiết nhằm khai thác thế mạnh trong lĩnh vực này thông qua lợi thế cạnh tranh (quỹ đất, tài sản đã hết khấu hao...) để xúc tiến đầu tư hợp lý, nâng cao hiệu quả kinh doanh kho vận, góp phần cải thiện hiệu quả SXKD chung của Công ty.

- Bảo quản tốt nguyên liệu thuốc lá của các khách hàng gia công, khách hàng sử dụng dịch vụ thuê kho. Thực hiện nhanh chóng, đúng yêu cầu về nhập - xuất hàng hóa; cung cấp dịch vụ làm thủ tục hải quan, khử trùng hàng hoá; đảm bảo truy cập số liệu nhanh – chính xác.

- Triển khai và hoàn thành dự án cải tạo kho thường thành kho mát nhằm tăng doanh thu và tăng hiệu quả; đa dạng hoá dịch vụ kho để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

3.2.2. Về công tác tổ chức:

- Thường xuyên soát xét, hiệu chỉnh chức năng nhiệm vụ, quyền hạn; xem xét phạm vi và quy mô hoạt động của các đơn vị để điều chỉnh bộ máy quản lý thích hợp.

- Định kỳ theo dõi, xem xét định mức lao động, xác định tổng mức khối lượng công việc trung bình để xác định nhu cầu lao động cần thiết, thực hiện cân đối nhu cầu

sử dụng lao động và đánh giá, lựa chọn nhân sự phù hợp.

- Ban hành bảng MTCV phù hợp với chức danh/vị trí công việc và cơ cấu tổ chức hiện nay.

- Thực hiện soát xét và thiết lập chính sách khen thưởng theo định kỳ, hoặc đột xuất tương thích với Quy chế phân phối tiền lương đã xây dựng và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bổ sung nhân sự để đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho kế hoạch phát triển Công ty.

3.3.3. Công tác tài chính:

- Tận dụng triệt để các nguồn vốn có thể bảo đảm đủ vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh, tìm kiếm nguồn vốn lãi suất thấp và sử dụng vốn hợp lý nhằm giảm chi phí tài chính.

- Xây dựng và thực hiện các giải pháp tăng nhanh vòng quay khoản phải thu và vốn lưu động. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát sử dụng vốn tại các Chi nhánh, giám sát thực hiện các định mức kỹ thuật đã ban hành, tích cực thu hồi công nợ.

- Tăng cường phân tích hoạt động tài chính và phân tích giá thành. Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xây dựng giá mua bán nguyên liệu phù hợp để nâng cao hiệu quả SXKD Công ty.

3.3.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cải tiến máy móc thiết bị

- Tiếp tục thực hiện vận hành phần mềm tài chính IBOSS tại Công ty; định kỳ đánh giá, xem xét kết quả nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý chung theo chủ trương của Tổng công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu và đăng ký những sáng kiến cải tiến kỹ thuật tại XNTC, trình hội đồng KHKT của Công ty xem xét, phê duyệt.

3.3.5. Công tác xây dựng cơ bản

- Triển khai các dự án mới: Lắp đặt trạm biến áp 3 pha 1x1000kVA (22/0.4kV), lắp đặt hệ thống PCCC tự động cho Kho 1M, 2M và lắp đặt hệ thống PCCC tự động cho Kho 1M, 2M.

- Thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa một số hạng mục khác tại Công ty và Chi nhánh.

3.3.6. Các công tác khác:

- Tăng cường đoàn kết nội bộ trong Công ty.

- Duy trì tốt mối quan hệ với chính quyền địa phương nơi Công ty đóng trụ sở và nơi có đầu tư vùng trồng.

- Duy trì thực hiện chính sách tiết kiệm, chống lãng phí.
- Quan tâm đến đời sống, thu nhập cho người lao động và thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở.
- Phối hợp với Chính quyền và các Đoàn thể trong Công ty phát động các phong trào thi đua sản xuất, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, các công trình...
- Quán triệt CB.CNV thực hiện nghiêm túc các quy định, chế độ Nhà nước, nội quy, quy chế Công ty.
- Thường xuyên quan tâm đến công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, bão lụt trong toàn Công ty.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

+ Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

+ Trách nhiệm của kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể

báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trân trọng././ *TKM*

Nơi nhận:

- UBCK NN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- BGD;
- Các phòng ban;
- Lưu: VT, Tky.

Đông Nai, ngày 27 tháng 3 năm 2020

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



Lê Văn Khuê